

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NĂM**  
**KHU VỰC BẮC BỘ, TRUNG BỘ, TÂY NGUYÊN VÀ NAM BỘ**  
**(Từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025)**

**1. Khu vực Miền núi phía Bắc**

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa (TLM): Phổ biến 1500-2500mm, cao hơn so với TBNN từ 20-50%; có nơi trên 70 % như Bãi Cháy (Quảng Ninh) 3290mm cao hơn 74% so với TBNN.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>Trên sông Thao, từ tháng 10/2023-9/2024 đã xuất hiện nhiều đợt dao động nhỏ và 4 trận lũ với biên độ lũ lên tại Yên Bái từ 2-10m; từ 10/2023 đến 04/2024, mực nước tại trạm trên sông Thao có xu thế biến đổi chậm; từ tháng 5-8/2024 xuất hiện 08 đợt dao động và 03 đợt lũ nhỏ và vừa, đặc biệt tháng 9 đã xuất hiện 01 đợt lũ đặc biệt lớn. Trong 1 năm qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ là 15%.</p> <p>Trên sông Lô, từ tháng 10/2023 đến 06/2024 mực nước tại Tuyên Quang biến đổi chậm. Từ tháng 6/2024 đến tháng 9/2024 là mùa lũ chính vụ, trên lưu vực Tuyên Quang đã xuất hiện 2 trận lũ lớn, đặc biệt là trận lũ lớn bất thường từ 8/9/2024 đến 14/9/2024 với mực nước đỉnh lũ đạt mức 27,73m ngày 11/9 do hoàn lưu bão số 3. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang trong 12 tháng qua cao hơn TBNN cùng kỳ là 10%.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1700-2000 mm, có nơi cao hơn.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>Trên sông Thao, tháng 10/2024 có 01 đợt lũ vừa với biên độ nước lên 2-6m, sau biến đổi chậm. Từ tháng 11-12/2024 và tháng 1-5/2025 tình hình thủy văn có xu thế biến đổi chậm. Từ tháng 6/2025 có khả năng xuất hiện các đợt dao động nhỏ. Lũ tập trung chủ yếu từ tháng 7-9/2025 với mực nước đỉnh lũ đạt mức BĐ1-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy tại Yên Bái sẽ thấp hơn TBNN là 29%.</p> <p>Trên sông Lô, từ tháng 11/2024 đến tháng 5/2025 dòng chảy trên sông Lô biến đổi chậm, lũ trên sông Lô tập trung chủ yếu từ tháng 6-9/2025 với mực nước đỉnh lũ đạt mức BĐ1. Tổng lượng dòng chảy tại Tuyên Quang sẽ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 10%.</p>

## 2. Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2500mm, có nơi trên 3000 mm, cao hơn so với TBNN từ 30-60%, có nơi trên 70% như, Hà Đông (Hà Nội) 2818mm cao hơn 73%

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 10/2023 đến hết tháng 9/2024, chia làm các giai đoạn:

- Từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024 dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Riêng tháng 1 và tháng 2 năm 2024 dòng chảy có xu thế tăng do các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân năm 2023-2024. Tháng 6 năm 2024 đã có dao động và mực nước cao nhất tháng 6 tại Hà Nội đạt 5,30m do ảnh hưởng của điều tiết của các hồ chứa thượng lưu (Hồ Hòa Bình mở 01 cửa xả đáy và hồ Tuyên Quang mở 02 cửa xả).

- Từ tháng 6 đến tháng 9/2024 là thời kỳ mùa lũ chính vụ năm 2024. Trong thời kỳ này mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội ở mức cao. Từ ngày 07-15/9 trên các sông ở khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 01 đợt lũ lớn và lũ lịch sử trên diện rộng nhiều sông khu vực Bắc Bộ. Đỉnh lũ trên sông Thao tại Lào Cai, Bảo Hà, Yên Bái; sông Lô tại Tuyên Quang, Vụ Quang; sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Thái Bình; sông Hoàng Long và nhiều sông suối khu vực hạ lưu sông Hồng-Thái Bình và cửa sông ven biển đã vượt mức báo động (BD) 3, đặc biệt trên nhiều sông đã xuất hiện mức lũ lịch sử như: Sông Thao tại Lào Cai, Bảo Hà, Yên Bái; trên sông Đáy tại Phủ Lý; sông Cầu tại Gia Bả và Phúc Lộc Phương; sông Ninh Cơ tại Trục Phương; sông Kinh Môn tại An Phụ, sông Gù tại Bá Nha, sông Trà Lý tại Thái Bình. Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội đã lên mức 11,30m, dưới BD3 0,2m; hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại lên mức 6,25m, trên BD3 0,25m, lớn nhất từ năm 2003 đến nay. Thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng, trong đợt lũ từ ngày 07-15/9, hồ Hòa Bình mở 02 cửa xả đáy, hồ Tuyên Quang mở tối đa 08 cửa xả đáy và hồ Thác Bà mở 03 cửa xả mặt.

Tình hình dòng chảy trên các sông chính khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ từ tháng 1/10/2023 đến 30/09/2024 cụ thể như sau:

+ Trên sông Đà, tổng lượng dòng chảy tại Hòa Bình thấp hơn TBNN 30%.

+ Trên sông Hồng, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN là 36%.

+ Trên sông Cầu và sông Lục Nam, lượng dòng chảy ở mức cao hơn nhiều so với TBNN với tổng lượng dòng chảy đến trạm Gia Bả trên sông Cầu và trạm Chũ trên sông Lục Nam đều cao hơn TBNN lần lượt là 100% và 113%.

### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-1800 mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025 dòng chảy hạ du sông Hồng tại Hà Nội chia thành các thời kỳ:

- Từ tháng 11/2024 đến tháng 5/2025 dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Riêng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội tháng 1 và tháng 2 năm 2025 sẽ có xu thế tăng do các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân năm 2024-2025.

- Từ tháng 6 đến tháng 10/2025 là thời kỳ mùa lũ chính vụ, dự báo hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội có khả năng xuất hiện 3-4 đợt lũ.

- Tổng lượng dòng chảy dự báo từ tháng 10/2024 đến hết tháng 9/2025 như sau:

+ Trên sông Đà, tổng lượng dòng chảy tại Hòa Bình có khả năng thấp hơn TBNN 18%.

+ Trên sông Hồng, tổng lượng dòng chảy dự báo có khả năng cao hơn TBNN 4%.

+ Trên sông Cầu và sông Lục Nam, tổng lượng dòng chảy dự báo cao hơn mức TBNN lần lượt là 14% và 2%.

### 3. Bắc Trung Bộ

#### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-3000mm, cao hơn so với TBNN từ 15-30%, riêng khu vực Tĩnh Gia (Thanh Hóa) 1387mm thiếu hụt 23%, Tây Hiếu (Nghệ An) 826mm thiếu hụt 47%

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 10-12/2023, mực nước các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuống dần, các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 3-5 đợt lũ vừa và nhỏ, mực nước đỉnh lũ ở hạ lưu sông La còn dưới mức BĐ1. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 5-19%, hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 25-35%; các sông ở Hà Tĩnh thấp hơn từ 38-55% trong tháng 10 và cao hơn trong tháng 11, 12.

Từ tháng 1 đến tháng 3/2024, mực nước các sông trong khu vực xuống dần, riêng thượng nguồn các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 2 đợt dao động với biên độ từ 0,5-2,3m vào nửa cuối tháng 3. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 01-3/2024, trên các sông ở Thanh Hóa tương đương TBNN cùng kỳ; hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 5-10%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 35-50%, sông Ngàn Sâu cao hơn từ 0-20%.

Từ tháng 4 đến tháng 6/2024, mực nước các sông trong khu vực có dao động, riêng các sông ở Thanh hóa xuất hiện một đợt lũ nhỏ với biên độ lũ từ 1,0-3,3m vào cuối tháng 5 và đầu tháng 6. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 4-6/2024, trên các sông ở Thanh Hóa thấp hơn TBNN từ 5-14%, riêng tháng 6

cao hơn 34%; hạ lưu các sông ở Nghệ An xấp xỉ TBNN trong tháng 4 và thấp hơn từ 35-50% trong tháng 5-6; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 65-80%, sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 20-32% trong tháng 4-5 và ở mức xấp xỉ trong tháng 6.

Trong tháng 7, các sông ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh xuất hiện lũ nhỏ với biên độ lũ lên từ 2,0-6,0m, hạ lưu có dao động; thượng nguồn các sông ở Nghệ An xuất hiện 2-3 đợt dao động mạnh với biên độ từ 1,5-2,5m. Mực nước đỉnh lũ trên các sông còn dưới mức BĐ1, riêng thượng nguồn sông Mã tại Mường Lát lên xấp xỉ mức BĐ2.

Trong tháng 8, trên sông Mã và sông Bưởi đã xuất hiện 2-3 đợt lũ; mực nước đỉnh lũ cao nhất tháng trên sông Mã tại Xã Là 281,41m, dưới BĐ3 0,09m; tại Mường Lát 170,96m, dưới BĐ2 0,54m; đỉnh lũ cao nhất tháng trên sông Bưởi còn dưới BĐ1. Tại thượng lưu sông Cả xuất hiện 01 đợt lũ nhỏ từ ngày 24-26/8, mực nước đỉnh lũ cao nhất tháng tại Mường Xén và Tương Dương ở mức BĐ1-BĐ2, các sông ở Hà Tĩnh biến đổi chậm.

Trong tháng 9, các sông trên khu vực xuất hiện 2 đợt lũ vào các ngày 07-09/9 và ngày 19-23/9. Đợt lũ ngày 07-09/9 xảy ra trên các sông từ Thanh Hóa đến Nghệ An, mực nước đỉnh lũ trên sông Mã, sông Bưởi và thượng nguồn sông Cả ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu sông Mã tại Giàng và trung hạ lưu sông Cả còn dưới mức BĐ1. Đợt lũ từ ngày 19-23/9 xảy ra trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh. Mực nước đỉnh lũ trên sông Bưởi, thượng nguồn sông Mã, sông Chu phổ biến ở mức BĐ2-BĐ3, có nơi trên BĐ3. Mực nước đỉnh lũ trên các sông ở Nghệ An phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu sông Cả tại Nam Đàn dao động ở mức BĐ1. Các sông ở Hà Tĩnh: trên sông Ngàn Phố xuất hiện lũ hai đỉnh, mực nước đỉnh lũ đều trên BĐ2 từ 0,43-0,88m; sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu sông La còn dưới mức BĐ1.

Lưu lượng dòng chảy từ tháng 7 đến tháng 9/2024, trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 60-185%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 13%-66%, các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 20-76%, riêng tháng 7 xấp xỉ TBNN; sông Ngàn Sâu thấp hơn 28-54%, riêng tháng 7 xấp xỉ TBNN.

#### *b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-1800 mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ nửa cuối tháng 10 đến tháng 11/2024, các sông ở Thanh Hóa xuất hiện 1-2 đợt dao động; các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh xuất hiện 1-3 đợt lũ. Mực nước đỉnh lũ hạ lưu sông Cả, sông La ở mức BĐ1. Trong tháng 12-4/2025, mực nước trên các sông giảm dần. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm dần, các sông ở Hà Tĩnh tăng trong các tháng 10-11 và giảm dần trong tháng 12-04/2025.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ 10-25% trong các tháng từ 10-3/2025 và xấp xỉ TBNN trong tháng 4/2025; hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 5-45%; sông Ngàn Phố thấp hơn 55% trong tháng 10, cao hơn từ 10-40% trong tháng 11-12/2025 và thấp hơn TBNN từ 5-20% trong các tháng từ 01-4/2025; sông Ngàn Sâu thấp hơn 60% trong tháng 10, cao hơn từ 20-45% trong tháng 11-03/2025 và tương đương TBNN trong tháng 4/2025.

Từ tháng 5-6/2025, các sông trong khu vực biến đổi chậm. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng dần từ tháng 5-6, các sông ở Hà Tĩnh biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa xấp xỉ TBNN cùng kỳ; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 10-40%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 45-58%, sông Ngàn Sâu xấp xỉ TBNN.

Từ tháng 7-9/2025, trên các sông ở Thanh Hóa có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ và một số đợt dao động. Lưu lượng trên các sông tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tương đương TBNN cùng kỳ; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 22-33%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố tương đương TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 5-25%.

#### 4. Trung Trung Bộ

##### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2000-3000mm; xấp xỉ đến cao hơn so với TBNN từ 20-30%, có nơi trên 35% như Nam Đông (Thừa Thiên Huế) 5289mm cao hơn 36%, Huế 4711mm cao hơn 50%, Đà Nẵng 3753mm cao hơn 56% so với TBNN cùng thời kỳ.

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 10-12/2023, trên các sông đã xuất hiện 3-5 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong thời gian trên. Lưu lượng dòng chảy lớn nhất năm tập chung vào tháng 10 và 11. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 15-40%, riêng các sông Quảng Trị, sông Vu Gia (Quảng Nam) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 30-80%.

Từ tháng 01-06/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và xu thế giảm dần. Từ tháng 7-9/2024, trên các sông đã xuất hiện 1-2 đợt lũ ngày 15-27/7 và từ ngày 18-20/9, lưu lượng dòng chảy được bổ sung và tăng cao hơn. Tổng lượng dòng chảy trên các sông thấp hơn từ 30-71%, riêng các sông Quảng Trị thấp hơn khoảng 84%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn từ 11-40%, sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn 130%.

##### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2000-3000mm, riêng Thừa Thiên Huế, Quảng

Nam, Quảng Ngãi có nơi trên 3500mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

Trong các tháng mùa lũ từ tháng 10-12/2024, dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 10-30%, riêng sông Vệ thấp hơn từ 50-60%.

Từ tháng 01-7/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông xu thế giảm dần; Từ tháng 8-9/2025, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ và dao động, dòng chảy được bổ sung thêm. Tổng lượng dòng chảy thấp hơn từ 20-65%, riêng sông Tả Trạch, sông Thu Bồn và sông Trà Khúc ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 20-60%.

## 5. Nam Trung Bộ

*a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1000-1500mm, thiếu hụt 15-30% so với TBNN.

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 10 đến tháng 12/2023, trên các sông thuộc lưu vực đã xuất hiện các đợt lũ vừa và nhỏ. Mức nước đỉnh lũ trên sông Kôn (Bình Định), sông Kỳ Lộ (Phú Yên) và sông Dinh Ninh Hòa (Khánh Hòa) phổ biến ở mức BĐ2-BĐ3, sông Ba (Phú Yên) tại Củng Sơn ở mức dưới BĐ2, các sông khác ở mức dưới BĐ1. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong thời kỳ này. Từ tháng 1 đến tháng 3/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm, theo xu thế xuống dần. Từ tháng 4 đến tháng 9/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm.

Tổng lượng trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn 42%, sông Cái Nha Trang cao hơn 24% so với TBNN.

*b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1000-2000mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 11-12/2024, trên các sông ở trong khu vực có khả năng xuất hiện từ 2-4 đợt lũ, tổng lượng dòng chảy tăng. Từ tháng 01-3/2025 dòng chảy trên các sông có xu thế giảm dần. Từ tháng 4 đến tháng 9/2025 lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm.

Tổng lượng dòng chảy, trên sông Ba tại Củng Sơn cao hơn 6% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn 45% so với TBNN.

## 6. Tây Nguyên

*a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1300-1800mm, xấp xỉ so với TBNN

*b. Tổng lượng dòng chảy:*

Từ tháng 10-11/2023, sông Pô Kô, sông Đắc Tơ Kan, thượng nguồn sông Đăkbla và hạ lưu sông Srêpôk xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông ở trên mức BĐ1; riêng sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 5 đợt lũ tập trung chủ yếu trong tháng 10, đỉnh lũ tại trạm Thanh Bình ở mức BĐ1 đến trên mức BĐ2. Các sông khác xuất hiện vài đợt dao động vừa và nhỏ. Lưu lượng dòng chảy các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức tương đương và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 12-59%, riêng sông Pô Kô và sông Đắc Nông cao hơn TBNN cùng kỳ 17-73%.

Từ tháng 12/2023-3/2024, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện. Lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 19-61%; riêng hạ lưu sông Đăkbla, sông Đắc Tơ Kan, Krông Búk và Ea Krông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-70%, sông Đắc Nông ở mức cao hơn nhiều.

Từ tháng 4-6/2024, các sông trên khu vực phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình hồ, đập điều hòa. Mực nước thượng lưu sông Đăkbla tại trạm KonPlong đã xuống thấp nhất trong chuỗi quan trắc nhiều năm 590,25m (19h/10/5/2024). Trên sông Krông Ana có 1 đợt dao động từ ngày 19-31/5 với biên độ dao động là 2,6m; sông Đắc Nông do ảnh hưởng của hồ điều hòa mực nước luôn dao động mức BĐ1 đến trên BĐ2; sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 4 đợt lũ nhỏ và vừa với đỉnh lũ cao nhất tại trạm Thanh Bình ở trên mức BĐ2 0,56m. Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 12-73%; riêng sông Krông Búk, Ea Krông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN từ 46-93%, sông Đắc Nông ở mức cao hơn nhiều.

Từ tháng 7-9/2024, trên sông Pô Kô, sông Đắc Tơ Kan (KonTum) và hạ lưu sông Srêpôk (Đắc Lắc) xuất hiện một đợt lũ, đỉnh lũ tại trạm Đắc Môt, Đắc Tô (Kon Tum) ở dưới mức BĐ2, đỉnh lũ tại trạm Bản Đôn (Đắc Lắc) trên mức BĐ1; trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 9 đợt lũ, đỉnh lũ lớn nhất tại trạm Thanh Bình xấp xỉ mức BĐ3. Mực nước trên sông Krông Ana dao động theo xu thế lên dần, các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi. Tổng lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 14-85%; riêng sông Krông Ana, Ea Krông và sông Đắc Nông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ từ 16-80%.

*b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1200-2200 mm, có nơi cao hơn.

**b. Tổng lượng dòng chảy:**

Từ tháng 10-12/2024, trên các sông suối ở khu vực Tây Nguyên có khả năng xuất hiện 1-3 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong thời gian này. Tổng lượng dòng chảy các sông phổ biến ở mức tương đương và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 17-64%; riêng sông Ea Krông, sông Cam Ly cao hơn TBNN cùng kỳ từ 12-37%, sông Đắk Nông ở mức cao hơn 118%.

Từ tháng 1-3/2025 dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy các sông phía Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ 30-60%; các sông Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 20-65%; một số sông ở mức cao hơn nhiều như Krông Búk, Ea Krông và Đắk Nông.

Từ tháng 4-6/2025, dòng chảy các sông trên khu vực biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông phía Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ 32-62%; các sông Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 36-76%; một số sông ở mức cao hơn nhiều như Ea Krông và Đắk Nông.

Từ tháng 7-9/2025, trên các sông suối ở khu vực Tây Nguyên có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ. Lượng dòng chảy trên các sông tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phía Bắc Tây Nguyên thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 11-80%; các sông phía Nam Tây Nguyên ở mức tương đương và cao hơn TBNN từ 13-34%, riêng sông Đắk Nông ở mức cao hơn 85%.

Tổng lượng dòng chảy năm trên sông ĐắkBla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 63%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn cao hơn 9%.

## **7. Nam Bộ**

*a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2500mm, xấp xỉ so với TBNN có nơi cao hơn 3000mm như Phước Long (Bình Phước) 3033mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10 đến tháng 12/2023 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức thấp hơn TBNN từ 15-22%. Từ tháng 01 đến tháng 3/2024, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn từ 10-20% so với TBNN cùng kỳ. Từ tháng 4 đến tháng 6, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn từ 15-25% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy tháng 7 đến tháng 9/2024 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 15-20%.

*b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1300-2300 mm, có nơi cao hơn.



- Tổng lượng dòng chảy:

Từ cuối tháng 10, tổng lượng dòng chảy với xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tháng 10 đến tháng 1/2025 phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 5-15%. Từ tháng 02 đến tháng 4, tổng lượng về ĐBSCL ở mức thấp hơn TBNN từ 5-10%. Từ tháng 5 đến tháng 9, tổng lượng dòng chảy lên dần và ở mức tương đương TBNN.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: ngày 15/01/2025**

**Tin phát lúc: 15h00'**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**

*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025*

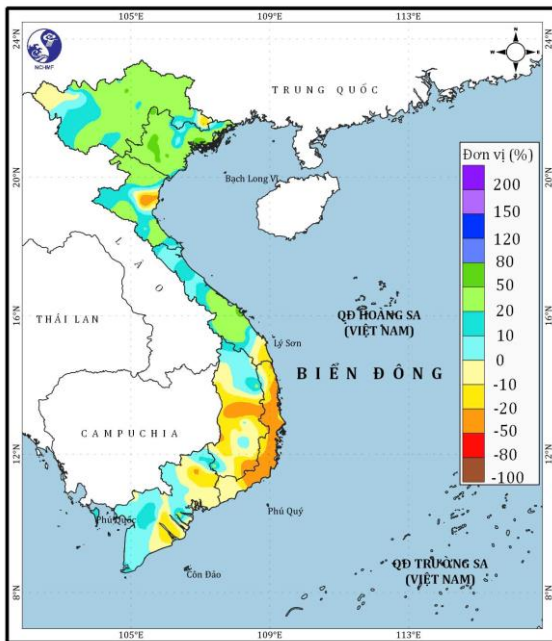
Sông	Trạm	Thực đo trong 1 năm qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
<b>Đà</b>	Hồ Hòa Bình	2649	46	1800-2000	>5-15
<b>Thao</b>	Yên Bái	2717	49	1800-2000	>5-15
<b>Lô</b>	Tuyên Quang	1915	19	1600-1800	>5-15
<b>Hồng</b>	Hà Nội	2348	29	1800-2000	>5-15
<b>Cầu</b>	Gia Bảy	2286	38	1700-1900	>5-15
<b>Lục Nam</b>	Chũ	1475	8	1300-1500	>5-15
<b>Mã</b>	Cắm Thủy	2366	37	1500-1800	Xấp xỉ
<b>Cả</b>	Yên Thượng	2083	16	1500-1700	<5-15
<b>La</b>	Hòa Duyệt	3104	29	2000-2300	<5-15
<b>Tả Trạch</b>	Thượng Nhật	5289	36	3700-4000	Xấp xỉ
<b>Thu Bồn</b>	Nông Sơn	5329	24	4000-4400	Xấp xỉ
<b>Trà Khúc</b>	Sơn Giang	3320	-14	3700-4000	Xấp xỉ
<b>Ba</b>	Củng Sơn	1747	-17	2000-2200	Xấp xỉ
<b>Cái Nha Trang</b>	Đồng Trăng	1022	-32	1400-1600	Xấp xỉ
<b>ĐăkBlá</b>	KonTum	1974	4	1600-1800	<5-10
<b>Srêpôk</b>	Giang Sơn	1789	-2	1600-1800	<5-10
<b>Tiên</b>	Tân Châu	1281	-2	1100-1300	<5-10
<b>Hậu</b>	Châu Đốc	1281	-2	1100-1300	<5-10

*Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025*

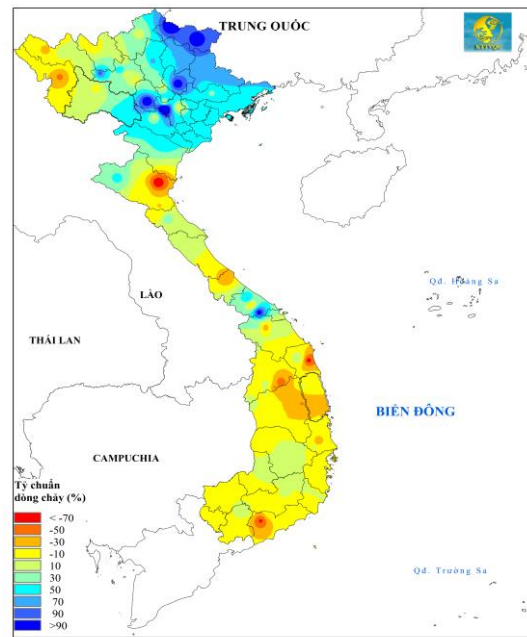
Sông	Trạm	Thực đo (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh TBNN (%)
<b>Đà</b>	Hồ Hòa Bình	37487	<30	44150	<18
<b>Thao</b>	Yên Bái	15074	<15	12620	<29
<b>Lô</b>	Tuyên Quang	25008	>10	20498	<10
<b>Hồng</b>	Hà Nội	86472	>36	66226	>4
<b>Cầu</b>	Gia Bảy	3879	>100%	2208	>14%
<b>Lục Nam</b>	Chũ	2649	>113%	1261	>2%
<b>Mã</b>	Cắm Thủy	16459	>53%	11763	>9%
<b>Cả</b>	Yên Thượng	10956	<32%	12112	<25%
<b>La</b>	Hòa Duyệt	3567	~TBNN	3216	<12%
<b>Tả Trạch</b>	Thượng Nhật	950	>90	838	>68
<b>Thu Bồn</b>	Nông Sơn	9754	>7	9015	~TBNN

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh TBNN (%)
Trà Khúc	Sơn Giang	7153	>12	6746	~TBNN
Ba	Củng Sơn	4620	<42%	8500	>6%
Cái NT	Đồng Trăng	1772	>24%	2100	>45%
ĐăkBlá	Kon Tum	1319	< 40%	998	< 63%
Srêpôk	Giang Sơn	2292	< 9%	2517	> 9%
Tiền	Tân Châu	331887	> 5%	331887	> 5%
Hậu	Châu Đốc	67882	~ TBNN	67882	~ TBNN

**Phụ lục 2: Bản đồ phân bố hiện trạng nguồn nước từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2024**



Bản đồ tỷ chuẩn lượng mưa từ tháng 10/2023-09/2024 so với TBNN



Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN